TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:49/2022/DS-ST
Ngày: 11-10-2022
"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Trúc Linh

2. Bà Nguyễn Thị Mến

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Tuyền– Thư ký Tòa án nhân nhân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:08/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2022, về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2022/QĐXX-ST ngày 07 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1964 "có mặt".

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn D (tên thường gọi U) sinh năm 1977 "vắng mặt".

2.2. Bà Nguyễn Thị I, sinh năm 1973"vắng mặt".

Cùng địa chỉ cư trú: ấp H, xã H, huyện X, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 01 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phan Văn L trình bày: Trước đây ông có làm chủ hụi và ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị I

tham gia hụi viên, do ông D, bà I không có tiền đóng hụi nên có mượn ông hỏi mượn người khác tiền để đóng hụi nhiều lần với tổng số tiền 66.000.000đồng. Trong đó: Ngày 16/12/2020 âm lịch số tiền 22.000.000đồng, ngày 27/3/2021 âm lịch 10.000.000đồng, ngày 14/4/2021 âm lịch 10.000.000đồng, ngày 07/4/2021 âm lịch 10.000.000đồng và ngày 23/5/2021 âm lịch 7.000.000đồng và tiền của ông trực tiếp đưa ngày 10/11/2021 là 7.000.000đồng. Các lần ông hỏi tiền cho ông D, bà I thì ông D có làm biên nhận nợ. Số tiền 7.000.000đồng mượn ngày 10/11/2021 âm lịch ông D làm biên nhận lại tổng cộng các lần vay trên số tiền 66.000.000đồng. Ông D có ký tên (tên thường dùng) là Nguyễn Văn Út và hẹn trả làm hai đợt là ngày 20/11/2021 âm lịch trả 30.000.000đồng và ngày 20/01/2022 âm lịch trả 36.000.000đồng. Đến hạn ông có yêu cầu trả nhưng ông D, bà I cứ hẹn mãi nhưng không trả nên ông khởi kiện yêu cầu ông D, bà I trả ông số tiền 66.000.000đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/8/2022 bị đơn ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị I cùng trình bày: Ông, bà không có nhờ ông L mượn 66.000.000đồng (sáu mươi sáu triệu đồng) để đóng hụi. Vì theo biên bản hòa giải thành ngày 21/12/2021 của vụ án Tòa án thụ lý số: 273/2021/TLST –DS ngày 19/11/2021 và được Tòa án giải quyết buộc ông bà có trả 275.000.000đ (hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng) tiền hụi, ngoài ra ông bà không còn nợ gì ông L.

Sau khi thụ lý đơn của ông L, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng phía bị đơn ông D, bà I không đến tham gia phiên họp và hòa giải cho nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được giữa các đương sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên tòa sơ thẩm nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn xác định sau khi yêu cầu ộng D, bà I trả nợ thì ộng D, bà I có trả ông 1.500.000đồng nên ông chỉ yêu cầu ông D, bà I trả số tiền 64.500.000đồng.

Bị đơn vắng mặt.

Vị đại diện Viện Kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử cũng như những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thời hạn tố tụng Tòa án vi phạm khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 91, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27, Điều 30 của Luật Hôn nhân và gia đình, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phan Văn L

Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị I có nghĩa vụ trả ông Phan Văn L 64.500.000đồng (sáu mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị I nộp 3.225000đ (ba triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 1.650.000đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng) cho ông Phan Văn L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Phan Văn L khởi kiện yêu cầu yêu cầu ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị I, địa chỉ cư trú ấp H, xã T, huyện X, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long trả tiền nợ vay. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Về người tham gia tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị I vắng mặt nhưng được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần mà vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2] Xét lời trình bày của nguyên đơn Phan Văn L cho rằng ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị I có vay của ông nhiều lần với tổng số tiền là 66.000.000đồng mục đích vay là để trả nợ góp hụi, và trồng hoa màu là có căn cứ chấp nhận. Bởi, sự việc vay tiền do ông L không có tiền nên ông L mới hỏi người khác cho ông D và bà I vay lại. Cụ thể là có vay của ông Đặng Văn Sang (Bảy Mun) ở ấp Nhà Thờ, xã Tường Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long là 22.000.000đồng; vay của ông Trần Văn

Hoàng Anh (bảy Nuôi) 02 lần vào ngày 27/3/2021 âm lịch là 10.000.000đồng và ngày 14/4/2021 âm lịch là 10.000.000đồng; vay của ông Nguyễn Văn T (ông G), ấp M, xã Mỹ T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long ngày 07/4/2021 âm lịch là 10.000.000đồng và ngày 23/5/2021 âm lịch là 7.000.000đồng. Những người cho ông L vay đều có xác nhận là ông L đưa lại ông D, do ông L vay ông D có đi cùng. Mặt khác, mỗi lần vay ông D cũng viết biên nhận nợ cho ông L và ngày vay cuối cùng là ngày 10/11/2021 âm lịch (nhằm ngày 13/12/2021 dương lịch) ông D vay 7.000.000đồng, ông D (Út) làm biên nhận nợ tổng số tiền vay 66.000.000đ (sáu mươi sáu triệu đồng). Do đó sự việc vay là có thật. Sau khi vay ông L cho là ông D, bà I có trả 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng), còn nợ lại 64.500.000đ (sáu mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

Xét số nợ vay của ông D và bà I vay trong thời kỳ hôn nhân và số tiền vay cũng nhằm mục đích góp họ trong khoảng thời gian mà ông D, bà I tham gia góp họ trong vụ án đã được Tòa án thụ lý giải quyết bằng quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 160/2021/QĐST-DS ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện T đã có hiệu lực pháp luật là ông D, bà D cùng trả nợ hụi. Do đó, số nợ vay này là nhằm mục đích lo cho của gia đình nên ông D, bà I có nghĩa vụ liên đới cùng trả ông L số tiền trên theo quy định Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27, Điều 30 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét lời trình bày của ông D và bà I cho rằng không có nợ tiền ông L vì sự việc giao dịch hụi (họ) giữa hai bên đã được Tòa án giải quyết bằng quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 160/2021/QĐST-DS ngày 29/12/2021 là buộc ông D, bà I trả ông L 275.000.000đồng là không có căn cứ. Bởi, theo hồ sơ vụ án số 273/2021/TLST –DS ngày 19/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn thụ lý giải quyết và giải quyết bằng quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 160/2021/QĐST-DS ngày 29/12/2021 là tranh chấp họ, phần tiền vay hiện đang tranh chấp không có liên quan gì đến vụ án tranh chấp họ mà Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn đã giải quyết nên đây không thuộc trường hợp đã được giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn ông L được chấp nhận nên bị đơn ông D, bà I phải nộp toàn bộ 5% trên số tiền bị buộc trả bằng 3.225.000đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27, Điều 30 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phan Văn L

Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị I có nghĩa vụ trả ông Phan Văn L 64.500.000đồng (sáu mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị I chưa trả xong số tiền trên cho ông Phan Văn L thì phải trả thêm lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị I nộp 3.225.000đ (ba triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 1.650.000đồng (một triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng) cho ông Phan Văn L theo lai thu số 0014237 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện T;
- Đương sự;
- Chi cục Thi hành án huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong